

Số: /QĐ-UBND

Đắk R'lấp, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Công trình:  
Trụ sở làm việc Công an xã Hưng Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18 tháng 06 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều về của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC, ngày 11/11/2021 của Bộ Tài Chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk R'lấp về chủ trương đầu tư công trình: Trụ sở làm việc Công an xã Hưng Bình;*

*Căn cứ Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Đắk R'lấp về việc Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Công an xã Hưng Bình;*

*Căn cứ Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp về việc phân khai vốn chi đầu tư phát triển thuộc Ngân sách Nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Đắk R'lấp về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Trụ sở làm việc Công an xã Hưng Bình;*

*Xét đề nghị của phòng Tài chính Kế hoạch huyện Đắk R'Lấp tại Tờ trình số 109/TTr-TCKH ngày 23 tháng 6 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

1. Công trình: Trụ sở làm việc Công an xã Hưng Bình.
2. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Đắk R'lấp.
3. Địa điểm xây dựng: Xã Hưng Bình, huyện Đắk R'lấp.
4. Ngày khởi công: 05/9/2022; Ngày hoàn thành: 30/01/2023.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

*Đơn vị tính: Ngàn đồng*

| Nội dung                   | Tổng dự toán được duyệt | Giá trị quyết toán |
|----------------------------|-------------------------|--------------------|
| <b>Tổng số</b>             | <b>2.000.000</b>        | <b>1.970.270</b>   |
| + Chi phí xây dựng:        | 1.743.360               | 1.740.000          |
| + Chi phí QLDA:            | 55.626                  | 55.626             |
| + Chi phí tư vấn xây dựng: | 167.616                 | 163.400            |
| + Chi phí khác:            | 17.340                  | 11.244             |
| + Chi phí dự phòng:        | 16.058                  |                    |

2. Nguồn vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: Ngàn đồng*

| Stt | Nội dung                    | Tổng mức đầu tư  | Thực hiện                         |                     |  |  |
|-----|-----------------------------|------------------|-----------------------------------|---------------------|--|--|
|     |                             |                  | Giá trị quyết toán được phê duyệt | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt | Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt |
| 1   | 2                           | 3                | 4                                 | 5                   | 6=4-5  | 7=5-4  |
|     | <b>Tổng số</b>              | <b>2.000.000</b> | <b>1.970.270</b>                  | <b>1.500.000</b>    | <b>470.270</b>   |  |
| 1   | Vốn đầu tư công             | 2.000.000        | 1.970.270                         | 1.500.000           | 470.270  |  |
| 1.1 | Vốn NSNN                    | 2.000.000        | 1.970.270                         | 1.500.000           | 470.270  |  |
|     | - Vốn ngân sách địa phương: | 2.000.000        | 1.970.270                         | 1.500.000           | 470.270  |  |

|   |   |           |           |           |         |  |
|---|---|-----------|-----------|-----------|---------|--|
|   | + Vốn ngân sách huyện (Nguồn sử dụng đất) | 2.000.000 | 1.970.270 | 1.500.000 | 470.270 |  |
| 2 | Vốn khác                                  |           |           |           |         |  |

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

*Đơn vị tính: Ngàn đồng*

| Nội dung           | Thuộc chủ đầu tư quản lý |                 | Giao đơn vị khác quản lý |                 |
|--------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
|                    | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi |
| 1                  | 2                        | 3               | 4                        | 5               |
| Tổng số            |                          |                 | <b>1.970.270</b>         |                 |
| 1-Tài sản cố định  |                          |                 | 1.970.270                |                 |
| 2-Tài sản lưu động |                          |                 |                          |                 |

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

*Đơn vị tính: Ngàn đồng*

| Stt        | Nội dung                                  | Số tiền          | Ghi chú |
|------------|---|------------------|---------|
|            | <b>Tổng số</b>                            | <b>1.970.270</b> |         |
| <b>1</b>   | <b>Vốn đầu tư công</b>                    | <b>1.970.270</b> |         |
| <b>1.1</b> | <b>Vốn Ngân sách Nhà nước</b>             | <b>1.970.270</b> |         |
|            | - Vốn Ngân sách địa phương                | 1.970.270        |         |
|            | + Vốn Ngân sách huyện (Nguồn sử dụng đất) | 1.970.270        |         |
| <b>2</b>   | <b>Vốn khác</b>                           |                  |         |

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 26/5/2023 là:

+ Tổng nợ phải trả: 470.270.000 đồng.

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

Chi tiết các khoản công nợ theo số phải thu, phải trả của từng đơn vị:

Đơn vị tính: Ngàn đồng

| STT        | Khoản mục chi phí                                   | Giá trị quyết toán được chấp nhận | Đã thanh toán    | Công Nợ        |             | Ghi chú |
|------------|---|-----------------------------------|------------------|----------------|-------------|---------|
|            |   |                                   |                  | Nợ phải trả    | Số phải thu |         |
|            | <b>Tổng số</b>                                      | <b>1.970.270</b>                  | <b>1.500.000</b> | <b>470.270</b> | <b>0</b>    |         |
| <b>I</b>   | <b>Chi phí xây dựng</b>                             | <b>1.740.000</b>                  | <b>1.341.600</b> | <b>398.400</b> | <b>0</b>    |         |
| <b>II</b>  | <b>Chi phí quản lý dự án</b>                        | <b>55.626</b>                     | <b>50.000</b>    | <b>5.626</b>   | <b>0</b>    |         |
| <b>III</b> | <b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>               | <b>163.400</b>                    | <b>108.400</b>   | <b>55.000</b>  | <b>0</b>    |         |
| 1          | Chi phí lập báo cáo KTKT                            | 99.000                            | 99.000           | 0              | 0           |         |
| 2          | Chi phí giám sát thi công                           | 55.000                            | 0                | 55.000         | 0           |         |
| 3          | Chi phí lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu          | 7.305                             | 7.305            | 0              | 0           |         |
| 4          | Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu | 2.095                             | 2.095            | 0              | 0           |         |
| <b>IV</b>  | <b>Chi phí khác</b>                                 | <b>11.244</b>                     | <b>0</b>         | <b>11.244</b>  | <b>0</b>    |         |
| 1          | Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán               | 11.244                            | 0                | 11.244         | 0           |         |

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: Ngàn đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận TS | Tài sản dài hạn/cố định | Tài sản ngắn hạn |
|-------------------------|-------------------------|------------------|
| 1                       | 2                       | 3                |
| Công an xã Hưng Bình    | 1.970.270               |                  |

3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan:

3.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán, tính chính xác khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu, đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán, tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

3.2. Trách nhiệm của nhà thầu: Chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan trong hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định. Chịu trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án của cấp có

thẩm quyền. Cùng với chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết, hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã chi trả sai chế độ quy định;

3.3. Trách nhiệm của kho bạc: Kiểm tra đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã cho vay và thanh toán đối với dự án đảm bảo đúng quy định của Nhà nước. Đơn đốc chủ đầu tư làm thủ tục thanh toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo quyết định phê duyệt quyết toán, thu hồi hết số vốn đã tạm ứng theo chế độ quy định và tất toán tài khoản của dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định;

3.4 Trách nhiệm của Phòng Tài chính – Kế hoạch: Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định; Hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành; Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Chủ tịch UBND xã Hưng Bình; Trưởng Công an xã Hưng Bình; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk R’lấp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quang Tú**